TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-PT
Ngày 11/12/2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhài.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thủy và bà Lê Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Bảo Vĩnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2023/DS-PT ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DSST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/QĐPT - DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Lệ V, sinh năm 1965, (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Ông Lê Trọng K, sinh năm 1958, (có mặt)

Địa chỉ: TDP T, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1976, (có mặt)

Địa chỉ: TDP C, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

3.2. Ông Phí Văn S, sinh năm 1961, (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phí Vinh C, sinh năm 1995,

Đều trú tại: Xóm T, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. (Anh C có mặt)

3.3. Chị Phí Thùy D, sinh năm 1989, (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

3.4. Anh Phí Vinh C, sinh năm 1995,(có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

3.5. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Đức H – chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Tuấn A – chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S -Văn bản uỷ quyền ngày 28/4/2023, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.6. Ủy ban nhân dân thành phố S, Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Duy N - Chức vụ Chủ tich UBND thành phố S.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Dương Thị H1 – chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố S - Văn bản uỷ quyền số 1334/GUQ-CTUBND ngày 29/5/2023,(có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Lệ V trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Lê Trọng X (chết năm 2005) và cụ Vũ Thị M (chết năm 2016). Bố mẹ bà sinh được 05 người con gồm: Lê Thị Lệ V, sinh năm 1965; Lê Thị Thanh T, sinh năm 1976; Lê Trọng K, sinh năm 1958; Lê Thị T1, sinh năm 1965 (đã chết năm 2000 – có 2 người con là Phí Vinh C và Phí Thùy D); Lê Trường G, sinh năm 1973 (đã chết – chưa có vợ con). Trước khi chết bố mẹ bà không để lại di chúc. Di sản để lại bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp số 00741/QSDĐ/Q1 tại thửa số 169 tờ bản đồ số 38-IV, diện tích 2.490m2 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 11/02/1991 mang tên Lê Trọng X, có địa chỉ tại TDP T, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Trên thửa đất có một căn nhà cấp bốn và công trình phụ, cây cối lâm lộc trên đất, trước khi bố mẹ bà chết không giao cho ai quản lý, sử dụng, bà không yêu cầu xem xét giải quyết đối với tài sản trên đất, khi phân chia tài sản trên đất của ai thì người đó sử dụng hoặc tự tháo dỡ. Bà nhất trí với diện tích đất hiện trạng thực tế là di sản thừa kế đã được Tòa án thẩm định. Bà đề nghị Tòa án phân chia di sản của bố mẹ bà để lại, chia làm 4 phần bằng nhau theo chiều dọc của thửa đất từ trong ra ngoài, để lại một phần đất phía mặt trước của thửa đất giáp con đường đang đi vào thửa đất làm đường đi chung và để lại phần đất làm đường đi chung kéo dài từ ngoài đường vào thửa đất đến giáp thửa đất 128 để thuận tiện đi lại, không nhất trí để lại một phần diện tích đất làm nơi thờ cúng. Về công sức tôn tạo, bà xác định sau khi bố mẹ bà chết không ai sử dụng trên đất đó, không ai có công sức tôn tạo đối với di sản trên. Đối với số tiền về chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đạc bà đã tạm ứng ra trước để giải quyết vụ án, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

* *Bị đơn ông Lê Trọng K trình bày:* Ông nhất trí với lời khai của bà Lê Thị Lệ V về thời điểm bố mẹ ông là cụ Lê Trọng X và cụ Vũ Thị M chết. Ông cũng

nhất trí về hàng thừa kế là các anh chị em ruột như bà V khai là đúng. Khi bố mẹ ông chết không để lại di chúc. Di sản để lại bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp số 00741/QSDĐ/Q1 tại thửa số 169 tờ bản đồ số 38-IV, diện tích 2.490m^2 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 11/02/1991 mang tên Lê Trọng X, có địa chỉ tại TDP T, phường B, thành phố S, Thái Nguyên. Trên thửa đất có một căn nhà cấp bốn và công trình phụ, cây cối lâm lộc trên đất, khi bố mẹ ông chết không giao cho ai quản lý, sử dụng. Ông cũng nhất trí với hiện trạng diện tích đất là di sản thừa kế theo kết quả thẩm định của Tòa án. Nay ông đề nghị Tòa án xem xét để lại một phần đất thờ cúng chung, phần đường đi chung ông nhất trí để lại phần đường đi chung cho thuận lợi, phần đất còn lại chia đều di sản thừa kế làm 4 phần cho các hàng thừa kế. Về công sức tôn tạo ông xác định sau khi bố mẹ ông chết không ai sử dụng, không ai có công sức tôn tạo đất, năm 2022 do sa cơ lỡ vận vợ chồng ông có dọn vào đó ở nhưng không tôn tạo, sửa chữa gì.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- *Bà Lê Thị Thanh T trình bày:* Bà nhất trí với lời khai của bà V, ông K về thời điểm bố mẹ bà chết, các anh chị em ruột, cũng như di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại. Bà nhất trí với hiện trạng diện tích đất là di sản thừa kế theo kết quả thẩm định của Tòa án. Nay bà đề nghị Tòa án phân chia di sản của bố mẹ bà để lại, chia làm 4 phần bằng nhau theo chiều dọc của thửa đất sau khi đã trừ đi diện tích đất để làm đường đi chung cho các đồng thừa kế theo ý kiến của các đồng thừa kế. Trên thửa đất có một căn nhà cấp bốn và công trình phụ, cây cối lâm lộc trên đất, khi bố mẹ bà chết không giao cho ai quản lý, sử dụng, bà không yêu cầu xem xét giải quyết đối với tài sản trên đất, tài sản trên đất của ai được phân chia thì người đó sử dụng hoặc tự tháo dỡ, bà không đồng ý để lại một phần đất để làm nơi thờ cúng.Về công sức tôn tạo, sau khi bố mẹ bà mất không ai sử dụng, không ai có công sức tôn tạo đối với di sản trên, về chi phí tố tụng bà nhất trí ý kiến của bà V.

- *Anh Phí Vinh C và chị Phí Thùy D trình bày:* Anh chị là con đẻ của ông Phí Văn S, sinh năm 1961 và bà Lê Thị T1 (bà T1 là con của cụ Lê Trọng X và cụ Vũ Thị M, hiện cụ X và cụ M đều đã chết, còn mẹ đẻ anh cũng đã chết năm 2020. Khi chết cụ X và cụ M không để lại di chúc). Bố mẹ anh chị sinh được hai người con là Phí Vinh C và Phí Thùy D. Khi ông, bà ngoại anh chị chết có để lại di sản thừa kế như bà V, ông K và bà T trình bày, trên thửa đất có một căn nhà cấp 4 và công trình phụ, cây cối lâm lộc trên đất anh chị không đề nghị Toà án xem xét giải quyết, tài sản vào phần đất của ai được phân chia người đó được sử dụng hoặc tự tháo dỡ. Sau khi ông, bà ngoại anh chị chết không giao cho ai quản lý, sử dụng đối với di sản. Nay bà V đề nghị Tòa án phân chia tài sản thừa kế theo hiện trạng sử dụng đã được thẩm định làm 4 phần bằng nhau và để lại diện tích đất để làm đường đi chung, anh chị hoàn toàn nhất trí. Anh chị đề nghị được lấy phần đất của mình ở phía tay phải ngoài cùng, tính từ ngoài đường dân sinh đi vào thửa đất.

- *Ý kiến của UBND thành phố S:* Về nội dung phân chia di sản thừa kế của cụ X, cụ M tại thửa 169 tờ bản đồ 38-IV cho các đồng thừa kế không có lối đi vào: Theo khoản 3 Điều 254 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 Điều này mà không có đền bù.

- *Ý kiến của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S*: Việc phân chia di sản thừa kế có để lại một phần diện tích đất để làm lối đi chung theo thoả thuận của các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất số 169 tờ bản đồ số 38-IV tại TDP T, phường B, thành phố S, Thái Nguyên, đã được UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 11/02/1991 mang tên Lê Trọng X, có tổng diện tích hiện trạng theo biên bản thẩm định là: 2.291,7m^2 (trong đó có 150m^2 đất ở; 2141,7m^2 đất cây lâu năm).

Tại biên bản định giá tài sản 09/02/2023 của Tòa án: Đất ở nông thôn có giá 900.000 đồng/1m^2; đất trồng cây lâu năm vị trí 1 có giá 70.000 đồng/1m^2. Căn nhà xây dựng trên thửa đất số 169 tờ BĐĐC số 38-IV là nhà một tầng mái ngói diện tích 60m^2, xây dựng năm 1984 và các công trình phụ khác đã hết khấu hao sử dụng. Các đương sự thống nhất đã hết khấu hao sử dụng nên không tính giá trị, cây cối lâm lộc trên đất đương sự không yêu cầu.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DSST ngày 06/7/2023 Tòa án nhân dân thành phố Sông Công đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, 35, 39; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157, Điều 158; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự. Các Điều: 100, 166, 167 và 203 của Luật Đất đai. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-BTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Lệ V về chia di sản thừa kế do cụ Lê Trọng X và cụ Vũ Thị M để lại theo pháp luật, tại thửa đất số 169 tờ bản đồ số 38-IV tổ dân phố T, phường B, thành phố S, Thái Nguyên, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 11/02/1991 mang tên Lê Trọng X.

2. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc thống nhất diện tích đất thửa đất số 169 tờ bản đồ số 38-IV theo hiện trạng sử dụng đất thực tế hiện nay là 2.291,7m^2 và để lại hai đoạn đường có diện tích 200m^2 đất cây lâu năm để làm đường đi chung. Cụ thể: Đoạn 1 (108,9m^2) theo các điểm trên sơ đồ 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 37, 31, 32, 36, 35, 34, 7. Đoạn 2 (91,1m^2) theo các điểm trên sơ đồ 13, 14, 15, 16, 17, 39, 38, 37, 13.

3. Diện tích còn lại 2.091,7 m^2 (trong đó có 150 m^2 đất ở và 1.941,7 m^2 đất cây lâu năm) chia cho các kỷ phần, có sơ đồ phân chia cụ thể của từng kỷ phần như sau:

+ Giao cho ông Lê Trọng K được quyền quản lý, sử dụng 522,8m^2 đất, trong đó 37,5 m^2 đất ở và 485,3 m^2 đất cây lâu năm, trị giá 67.721.000 đồng. Vị trí thửa đất (phần 1) theo các điểm trên sơ đồ 1, 2, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 1.

+ Giao cho bà Lê Thị Thanh T được quyền quản lý, sử dụng 523m^2 đất trong đó có 37,5 m^2 đất ở và 485,5 m^2 đất cây lâu năm, trị giá 67.735.000 đồng, vị trí thửa đất (phần 2), theo các điểm trên sơ đồ 2, 3, 4, 15, 16, 2;

+ Giao cho bà Lê Thị Lệ V được quyền quản lý, sử dụng 522,9m^2 đất, trong đó có 37,5 m^2 đất ở và 485,4m^2 đất cây lâu năm, trị giá 67.728.000 đồng, vị trí thửa đất (phần 3) theo các điểm trên sơ đồ 4, 5, 6, 14, 15, 4;

+ Giao cho anh Phí Vinh C và chị Phí Thùy D được quyền đồng quản lý, sử dụng 523m^2 đất trong đó có 37,5 m^2 đất ở và 485,5 m^2 đất cây lâu năm, trị giá 67.735.000 đồng, vị trí thửa đất (phần 4) theo các điểm trên sơ đồ 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 6;

(Có sơ họa phân chia thửa đất cụ thể kèm theo)

Các đương sự có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để liên hệ làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

+ Đối với tài sản trên đất phân chia là căn nhà và các công trình phụ xây dựng, cây cối lâm lộc trên thửa đất số 169 tờ BĐĐC số 38-IV nằm vào phần đất của ai được phân chia thì người đó được quyền sử dụng hoặc tự tháo dỡ, trường hợp không tự tháo dỡ, các đương sự có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự giải quyết theo quy định.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh T, anh Phí Vinh C và chị Phí Thùy D mỗi kỷ phần phải chịu 3.386.700 đồng án phí dân sự có giá ngạch, nộp ngân sách Nhà nước. Bà Lê Thị Lệ V phải chịu 3.386.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nộp ngân sách Nhà nước. Bà V đã nộp 1.490.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001751 ngày 16/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên, bà V còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn thiếu là 1.896.400 đồng. Ông Lê Trọng K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bà T, ông K và hàng thừa kế của bà T1 (anh C, chị D) mỗi kỷ phần phải trả cho bà V số tiền 3.500.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/7/2023 bị đơn ông Lê Trọng K kháng cáo bản án cho rằng Tòa án xét xử không thể hiện tính nhân văn ưu việt, không xem xét về việc hương hỏa, thờ cúng của những người để lại di sản thừa kế mà ông là con trưởng hiện đang thờ cúng bố mẹ. Không nhất trí để lại một phần diện tích đất để làm đường đi chung vì không có thửa đất nào chia thừa kế đi vào con đường đó. Không nhất trí việc Tòa án ấn định vị trí chia. Đề nghị Tòa án giải quyết cho công bằng và theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo về để lại đất làm nơi thờ cúng. Đối với kháng cáo về vị trí đất được hưởng thừa kế và đất đường đi, các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận được.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lê Trọng K, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/DSST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên về vị trí đất phần đất của các đồng thừa kế được hưởng đã thỏa thuận tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Trọng K làm trong hạn luật định, ông K là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố S và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sông Công vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phí Văn S và chị Phí Thùy D vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiếp tục xét xử.

[2] Về nội dung: Cụ Lê Trọng X và cụ Vũ Thị M có 05 người con chung gồm: Lê Thị Lệ V, sinh năm 1965; Lê Thị Thanh T, sinh năm 1976; Lê Trọng K, sinh năm 1958; Lê Thị T1, sinh năm 1965 (đã chết năm 2000 – bà T1 có 2 con là Phí Vinh C và Phí Thùy D); Lê Trường G, sinh năm 1973 (đã chết năm 2017 – chưa có vợ con). Trước khi chết hai cụ không để lại di chúc. Di sản để lại bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp số 00741/QSDĐ/Q1 tại thửa số 169 tờ bản đồ số 38-IV, diện tích 2.490m2 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 11/02/1991 mang tên Lê Trọng X, có địa chỉ tại TDP T, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Trên thửa đất có một căn nhà cấp bốn và công trình phụ, cây cối lâm lộc trên đất, trước khi hai cụ chết không giao

cho ai quản lý, sử dụng. Hiện trạng diện tích đất thực tế của thửa 169 tờ bản đồ 38-IV là 2.291,7m^2.

Ngày 02/8/2005 cụ Lê Trọng X chết. Ngày 13/01/2016 cụ Vũ Thị M chết. Ngày 20/4/2022, bà Lê Thị Lệ V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Trọng K.

[3.1]. Về việc yêu cầu để lại một phần đất làm nơi thờ cúng:

[3.1.1] Tại phiên tòa bà V, bà T, anh Công khai: "Trước khi Tòa án giải quyết, các bên đã thỏa thuận để lại một phần đất để làm nơi thờ cúng, tuy nhiên ông K không nhất trí. Tại phiên tòa hôm nay, bà V, bà T, anh C chỉ đồng ý mỗi người trừ lại 50m^2 đất trong kỷ phần thừa kế của mình để làm nơi thờ cúng với điều kiện các vị trí đất thừa kế được giao vẫn giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên".

[3.1.2.] Ông K không nhất trí với đề nghị của bà V, bà T, anh C và yêu cầu ghi rõ vào bản án về việc pháp luật không có quy định bắt buộc phải để lại đất làm nơi thờ cúng và việc các bà V, bà T, anh C không đồng ý để lại đất làm nơi thờ cúng.

[3.1.3] Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi cụ M chết năm 2016, căn nhà của cụ M và cụ X bị bỏ không, không có ai đến quản lý, sử dụng và chăm nom. Đến năm 2022, do gặp khó khăn nên ông K mới đến ở tại căn nhà và không có sửa chữa, tôn tạo gì. Do căn nhà của cụ M và cụ X nằm ở vị trí phần đất số 1, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao vị trí đất này cho ông K để thực hiện việc thờ cúng luôn vì ông K là con trai duy nhất trong gia đình. Việc có để lại một phần diện tích đất làm nơi thờ cúng là do sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, do các đương sự không thỏa thuận được về việc này nên Tòa án cấp sơ thẩm không để lại một phần diện tích đất làm nơi thờ cúng và không tính công tôn tạo di sản thừa kế là có căn cứ. Kháng cáo này của ông K không được chấp nhận.

[3.2.] Đối với nội dung kháng cáo về vị trí đất được giao và diện tích đất làm lối đi chung. Hội đồng xét xử thấy:

[3.2.1] Kỷ phần thừa kế của các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định, không có đương sự nào thắc mắc. Do vậy, số diện tích đất được giao của từng kỳ phần là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[3.2.2] Về vị trí đất được giao: Tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được với nhau, cụ thể như sau:

+ Vị trí phần số 1 theo sơ đồ được giao cho bà Lê Thị Thanh T được quyền quản lý sử dụng (diện tích đất 522,8 m^2, trong đó 37,5 m^2 đất ở và 485,3 m^2 đất cây lâu năm, trị giá 67.721.000 đồng. Theo các điểm trên sơ đồ 1, 2, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 1).

+ Vị trí phần số 2 theo sơ đồ được giao cho bà Lê Thị Lệ V được quyền quản lý sử dụng (diện tích đất 523 m^2, trong đó có 37,5 m^2 đất ở và 485,5 m^2 đất

cây lâu năm, trị giá 67.735.000 đồng. Theo các điểm trên sơ đồ 2, 3, 4, 15, 16, 2);

+ Vị trí phần số 3 theo sơ đồ được giao cho anh Phí Vinh C và chị Phí Thùy D được quyền đồng quản lý, sử dụng (diện tích đất 522,9m^2, trong đó có 37,5 m^2 đất ở và 485,4m^2 đất cây lâu năm, trị giá 67.728.000 đồng. Theo các điểm trên sơ đồ 4, 5, 6, 14, 15, 4);

+ Vị trí phần số 4 theo sơ đồ được giao cho Lê Trọng K được quyền quản lý sử dụng (diện tích đất 523 m^2, trong đó có 37,5 m^2 đất ở và 485,5 m^2 đất cây lâu năm, trị giá 67.735.000 đồng. Theo các điểm trên sơ đồ 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 6);

[3.2.3] Đường đi chung các đương sự nhất trí giữ nguyên như Quyết định của bản án sơ thẩm. Tài sản trên đất của ai, thì người đó được quyền sở hữu, sử dụng mà không phải trích chia chêch lệch cho nhau.

[4] Từ những nhận định trên, thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Trọng K, sửa bản án sơ thẩm số 11/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về vị trí thửa đất các đương sự được hưởng thừa kế.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí phúc thẩm: Ông K không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận một phần.

[5.2] Án phí sơ thẩm: Do vị trí đất của bà V, bà T, hàng thừa kế của bà T1 (anh C và chị D) có sự thay đổi do thỏa thuận nên án phí dân sự có giá gạch của các đương sự có thay đổi. Cụ thể: Bà T phải chịu 3.386.000 đồng; anh C, chị D phải chịu 3.386.400 đồng; bà V phải chịu 3.386.700 đồng, do bà V đã nộp 1.490.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001751 ngày 16/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công nên bà V còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn thiếu là 1.896.700 đồng. Do ông K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự có giá gạch.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 166, 167 và 203 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Trọng K. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sông

Công, tỉnh Thái Nguyên do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về vị trí thửa đất các đương sự được hưởng thừa kế.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Lệ V về chia di sản thừa kế do cụ Lê Trọng X và cụ Vũ Thị M để lại theo pháp luật, tại thửa đất số 169 tờ bản đồ số 38-IV tổ dân phố T, phường B, thành phố S, Thái Nguyên, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 11/02/1991 mang tên Lê Trọng X.

2. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc thống nhất diện tích đất thửa đất số 169 tờ bản đồ số 38-IV theo hiện trạng sử dụng đất thực tế hiện nay là 2.291,7m^2 và để lại hai đoạn đường có diện tích 200m^2 đất cây lâu năm để làm đường đi chung. Cụ thể: Đoạn 1 (108,9m^2) theo các điểm trên sơ đồ 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 37, 31, 32, 36, 35, 34, 7. Đoạn 2 (91,1m^2) theo các điểm trên sơ đồ 13, 14, 15, 16, 17, 39, 38, 37, 13.

3. Diện tích còn lại 2.091,7 m^2 (trong đó có 150 m^2 đất ở và 1.941,7 m^2 đất cây lâu năm) chia cho các kỷ phần, cụ thể các vị trí của các kỷ phần được thỏa thuận như sau:

+ Bà Lê Thị Thanh T được quyền quản lý, sử dụng 522,8m^2 đất, trong đó 37,5 m^2 đất ở và 485,3 m^2 đất cây lâu năm, trị giá 67.721.000 đồng. Vị trí thửa đất (phần 1) theo sơ đồ, có các điểm trên sơ đồ 1, 2, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 1.

+ Bà Lê Thị Lệ V được quyền quản lý, sử dụng 523m^2 đất trong đó có 37,5 m^2 đất ở và 485,5 m^2 đất cây lâu năm, trị giá 67.735.000 đồng, vị trí thửa đất (phần 2), theo sơ đồ, có các điểm trên sơ đồ 2, 3, 4, 15, 16, 2;

+ Anh Phí Vinh C và chị Phí Thùy D được quyền đồng quản lý, sử dụng 522,9m^2 đất, trong đó có 37,5 m^2 đất ở và 485,4m^2 đất cây lâu năm, trị giá 67.728.000 đồng, vị trí thửa đất (phần 3) theo sơ đồ, có các điểm trên sơ đồ 4, 5, 6, 14, 15, 4;

+ Ông Lê Trọng K được quyền quản lý, sử dụng 523m^2 đất trong đó có 37,5 m^2 đất ở và 485,5 m^2 đất cây lâu năm, trị giá 67.735.000 đồng, vị trí thửa đất (phần 4) theo sơ đồ, có các điểm trên sơ đồ 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 6;

(Có sơ họa phân chia thửa đất cụ thể kèm theo)

Các đương sự có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để liên hệ làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Đối với phần tài sản trên đất được chia: Các đương sự được quyền sở hữu, sử dụng phần tài sản trên phần diện tích đất được chia, không ai phải thanh toán giá trị cho nhau.

5. Về án phí:

+Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Trọng K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch: Bà T phải chịu 3.386.000 đồng; anh C, chị D phải chịu 3.386.400 đồng; bà V phải chịu 3.386.700 đồng (được trừ số tiền đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001751 ngày 16/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công), bà V còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn thiếu là 1.896.700 đồng. Ông K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự có giá gạch.

6. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Sông Công;
- Chi cục THADS thành phố Sông Công;
- UBND phường Bách Quang, TP. Sông Công;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Nhài